|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018* |

**BẢNG SO SÁNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ CỦA NGHỊ ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VPHC TRONG HOẠT ĐỘNG KH&CN, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nghị định số 64/2013/NĐ-CP**  **(Nghị định 64)** | **Nghị định số 93/2014/NĐ-CP**  **(Nghị định 93)** | **Dự thảo Nghị định thay thế**  **Nghị định 64 và Nghị định 93** | **Ghi chú** |
| **Chương I**  **NHỨNG QUY ĐỊNH CHUNG** |  | **Chương I**  **NHỨNG QUY ĐỊNH CHUNG** |  |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.  2. Vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ quy định tại Nghị định này là những hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính. | Không thay đổi | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.  2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ mà không quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực đó để xử phạt. |  |
| **Điều 2. Biện pháp khắc phục hậu quả**  Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  1. Buộc hoàn trả kinh phí bị chiếm dụng hoặc sử dụng sai mục đích;  2. Buộc hủy bỏ báo cáo không trung thực, báo cáo có số liệu bịa đặt;  3. Buộc đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. | **Điều 2. Biện pháp khắc phục hậu quả**  Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  1. Buộc hoàn trả kinh phí bị chiếm dụng hoặc sử dụng sai mục đích;  2. Buộc hủy bỏ hồ sơ, tài liệu, báo cáo có số liệu, nội dung sai sự thật;  3. Buộc cải chính công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1.Nghị định này áp dụng cho các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; người có thẩm quyền lập biên bản và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.  2. Tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này gồm:  a) Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ;  b) Cơ sở giáo dục đại học được tổ chức theo quy định của Luật giáo dục đại học;  c) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;  d) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã;  đ) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;  e) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;  g) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật.  3. Hộ kinh doanh, tổ hợp tác vi phạm các quy định của Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm. |  |
| **Điều 3. Thời hiệu xử phạt**  Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ là 01 năm. | Không thay đổi | **Điều 3. Hình thức xử phạt, mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt**  1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, cá nhân, tổ chức phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.  2. Mức phạt tiền tối đa trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức là 100.000.000 đồng.  3. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân. Các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6 và 8 Điều 8, Khoản 1 Điều 9, Khoản 2 Điều 10, Khoản 1 Điều 11, các khoản 6 và 7 Điều 13, các khoản 2 và 3 Điều 16, các khoản 1, 2 và 3 Điều 18, các khoản 1 và 3 Điều 20, các khoản 2 và 3 Điều 21 là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức. Tổ chức có cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.  4. Tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:  a) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  c) Trục xuất.  5. Thẩm quyền xử phạt của các chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân. |  |
| **Điều 4. Mức phạt tiền**  1. Mức phạt tiền tối đa trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với cá nhân vi phạm là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức vi phạm là 100.000.000 đồng.  2. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức vi phạm bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. | Không thay đổi | **Điều 4. Biện pháp khắc phục hậu quả**  Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  1. Buộc hủy bỏ hồ sơ, tài liệu, báo cáo có số liệu, nội dung sai sự thật.  2. Buộc cải chính thông tin sai sự thật.  3. Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại.  4. Buộc nộp lại số tiền bị chiếm dụng, không hoàn trả đúng hạn hoặc sử dụng sai mục đích.  5. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.  6. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện. |  |
| **Chương II**  **XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**  **Mục 1**  **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ** |  | **Chương II**  **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**  **Mục 1**  **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ** |  |
| **Điều 5.** **Vi phạm quy định về hoạt động của hội đồng khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân là thành viên hội đồng khoa học và công nghệ thực hiện hành vi công bố, cung cấp thông tin liên quan đến quá trình đánh giá, nhận xét và kết quả tư vấn khi chưa được sự cho phép của cơ quan quyết định thành lập hội đồng.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân là thành viên hội đồng khoa học và công nghệ không thực hiện đúng thủ tục hoặc đánh giá, chấm điểm không đúng với các tiêu chí do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khi tư vấn, thẩm định, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ. | **Điều 5.** **Vi phạm quy định về hoạt động của hội đồng khoa học và công nghệ**  1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân là thành viên hội đồng khoa học và công nghệ không thực hiện đúng thủ tục hoặc đánh giá, chấm điểm không đúng với các tiêu chí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi tư vấn, thẩm định, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.  2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân là thành viên hội đồng khoa học và công nghệ công bố, cung cấp thông tin liên quan đến quá trình đánh giá, nhận xét và kết quả tư vấn khi chưa được sự cho phép của cơ quan quyết định thành lập hội đồng. | **Điều 5.** **Vi phạm quy định về hoạt động của hội đồng khoa học và công nghệ**  1. Phạt cảnh cáo đối với thành viên hội đồng khoa học và công nghệ không thực hiện đúng thủ tục hoặc đánh giá, chấm điểm không đúng với các tiêu chí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi tư vấn, thẩm định, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.  2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với thành viên hội đồng khoa học và công nghệ công bố, cung cấp thông tin liên quan đến quá trình đánh giá, nhận xét và kết quả tư vấn khi chưa được sự cho phép của cơ quan quyết định thành lập hội đồng. |  |
| **Điều 6. Vi phạm quy định về đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước**  1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi không đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. | **Điều 6. Vi phạm quy định về đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**  Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức không đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | **Điều 6. Vi phạm quy định về đăng ký thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mua bằng ngân sách nhà nước theo quy định tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền |  |
| **Điều 7. Vi phạm quy định về hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với tổ chức kê khai không trung thực một trong những nội dung sau đây:  a) Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì;  b) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ;  c) Năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp thực hiện.  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a) Báo cáo không trung thực về tiến độ, nội dung, kết quả nghiên cứu;  b) Bịa đặt số liệu, sử dụng các hồ sơ, chứng từ không hợp lệ để thanh toán;  c) Nộp hồ sơ, tài liệu để phục vụ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung không trung thực.  3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc hoàn trả kinh phí chiếm dụng hoặc sử dụng sai mục đích đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;  b) Buộc hủy bỏ báo cáo không trung thực, báo cáo có số liệu bịa đặt đối với hành vi quy định tại các Điểm a, b Khoản 2 Điều này. | **Điều 7. Vi phạm quy định về hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước vượt quá thời gian đã cam kết mà không được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước giao nhiệm vụ.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với tổ chức kê khai sai sự thật trong hồ sơ tham gia tuyển chọn, xét chọn một trong những nội dung sau đây:  a) Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì;  b) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ;  c) Năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp thực hiện.  3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:  a) Báo cáo sai sự thật về tiến độ, nội dung, kết quả nghiên cứu;  b) Nộp hồ sơ, tài liệu để phục vụ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có số liệu, nội dung sai sự thật.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc hủy bỏ hồ sơ, tài liệu, báo cáo có số liệu, nội dung sai sự thật đối với hành vi quy định tại các điểm a, b Khoản 3 Điều này”. | **Điều 7. Vi phạm quy định về hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước vượt quá thời gian đã cam kết mà không được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước giao nhiệm vụ.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi kê khai sai sự thật trong hồ sơ tham gia tuyển chọn, xét chọn về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì hoặc trong lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.  3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Báo cáo sai sự thật về tiến độ, nội dung, kết quả nghiên cứu;  b) Nộp hồ sơ, tài liệu để phục vụ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có số liệu, nội dung sai sự thật.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc hủy bỏ báo cáo, tài liệu có số liệu, nội dung sai sự thật đối với hành vi quy định tại các điểm a, b Khoản 3 Điều này. |  |
| **Điều 8.** **Vi phạm quy định về đăng ký và triển khai hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a) Không đăng ký bổ sung khi thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ;  b) Không đăng ký bổ sung khi thay đổi trụ sở chính;  c) Không đăng ký Văn phòng đại diện hoặc Chi nhánh nhưng vẫn treo biển hoặc hoạt động.  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a) Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ khi không có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ;  b) Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ khi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đã hết hiệu lực.  ­3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức cho thuê hoặc cho mượn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.  4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi giả mạo giấy tờ, tài liệu để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.  5. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức thực hiện hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này;  b) Tịch thu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2, Khoản 4 Điều này. | **Điều 8. Vi phạm quy định về báo cáo, đăng ký, triển khai hoạt động và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức khoa học và công nghệ không báo cáo tình hình hoạt động theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam không thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phép thành lập.  3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức khoa học và công nghệ có một trong các hành vi sau đây:  a) Không đăng ký hoạt động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày được thành lập;  b) Không đăng ký thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có thay đổi, bổ sung nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.  4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện không đúng trình tự, thủ tục giải thể tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.  5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức khoa học và công nghệ có một trong các hành vi sau đây:  a) Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ khi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực;  b) Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ không đúng lĩnh vực ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài;  c) Không duy trì các điều kiện hoạt động như khi đăng ký thành lập tổ chức khoa học và công nghệ.  6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức khoa học và công nghệ có một trong các hành vi sau đây:  a) Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ khi không có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài;  b) Cho thuê hoặc cho mượn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.  7. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi giả mạo giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.  8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài khi chưa có sự cho phép của Bộ Khoa học và Công nghệ.  9. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức thực hiện hành vi quy định tại điểm b Khoản 6 Điều này. | **Điều 8. Vi phạm quy định về báo cáo, đăng ký, triển khai hoạt động và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo tình hình hoạt động theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phép thành lập.  3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không đăng ký hoạt động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày được thành lập;  b) Không đăng ký thay đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có thay đổi, bổ sung nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.  4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng trình tự, thủ tục giải thể tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.  5. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ khi không có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài;  b) Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ không đúng lĩnh vực ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài;  c) Không duy trì các điều kiện hoạt động như khi đăng ký thành lập tổ chức khoa học và công nghệ.  6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ khi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực;  b) Cho thuê hoặc cho mượn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.  7. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu có nội dung không đúng sự thật trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.  8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài khi chưa có sự cho phép của Bộ Khoa học và Công nghệ.  9. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức có hành vi quy định tại Điểm b Khoản 5, Điểm b Khoản 6 Điều này. |  |
|  | **Điều 8a. Vi phạm quy định về đánh giá, xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ công lập**  1.Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập không thực hiện yêu cầu đánh giá để phục vụ quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức đánh giá độc lập có một trong các hành vi sau đây:  a) Thực hiện đánh giá, xếp hạng không đúng phương pháp, tiêu chí đánh giá;  b) Thực hiện đánh giá, xếp hạng không trung thực, không khách quan hoặc không đúng pháp luật;  c) Không công khai kết quả đánh giá, xếp hạng theo quy định của pháp luật. |  |  |
| **Điều 9. Vi phạm quy định về sở hữu kết quả hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng, công bố số liệu, quy trình công nghệ, thông tin liên quan đến kết quả hoạt động khoa học và công nghệ thuộc quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức khác mà không được cá nhân, tổ chức đó cho phép;  b) Đăng ký, công bố công trình nghiên cứu khoa học của cá nhân, tổ chức khác mà không được phép của cá nhân, tổ chức đó;  c) Sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, số liệu, thông tin của cá nhân, tổ chức khác trong báo cáo khoa học, tài liệu khoa học mà không chỉ rõ nguồn gốc, xuất xứ của kết quả nghiên cứu đó;  d) Sử dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa quy trình công nghệ của cá nhân, tổ chức khác để đăng ký tham dự triển lãm, cuộc thi, giải thưởng về khoa học và công nghệ.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc cải chính công khai trên phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này. | **Điều 9. Vi phạm quy định về sở hữu, sử dụng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, số liệu, thông tin của cá nhân, tổ chức khác trong báo cáo khoa học, tài liệu khoa học mà không chỉ rõ nguồn gốc, xuất xứ của kết quả nghiên cứu đó.  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có một trong các hành vi sau đây:  a) Không báo cáo đại diện chủ sở hữu nhà nước về kết quả khai thác, chuyển giao hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;  b) Không thông báo với đại diện chủ sở hữu nhà nước khi không còn khả năng khai thác quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;  c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyết định giao quyền của cơ quan quản lý có thẩm quyền.  3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng, công bố số liệu, quy trình công nghệ, thông tin liên quan đến kết quả hoạt động khoa học và công nghệ thuộc quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức khác mà không được phép của cá nhân, tổ chức đó;  b) Đăng ký, công bố công trình nghiên cứu khoa học của cá nhân, tổ chức khác mà không được phép của cá nhân, tổ chức đó;  c) Sử dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa quy trình công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu của cá nhân, tổ chức khác để đăng ký tham dự triển lãm, cuộc thi, giải thưởng về khoa học và công nghệ mà không được phép của cá nhân, tổ chức đó.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc cải chính công khai trên phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3 Điều này;  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3 Điều này (nếu có). | **9. Vi phạm quy định về đánh giá, xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ công lập**  1.Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện yêu cầu đánh giá để phục vụ quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.  2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Thực hiện đánh giá, xếp hạng không đúng phương pháp, tiêu chí đánh giá;  b) Thực hiện đánh giá, xếp hạng không trung thực, không khách quan hoặc không đúng pháp luật;  c) Không công khai kết quả đánh giá, xếp hạng theo quy định của pháp luật. |  |
| **Điều 10.** **Vi phạm quy định về sử dụng, phổ biến kết quả hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi phổ biến kết quả phân tích, thẩm định, giám định khi chưa được cơ quan nhà nước đặt hàng đồng ý.  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi phổ biến, tuyên truyền, ứng dụng quy trình công nghệ, sản phẩm mới khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. | **Điều 10. Vi phạm quy định về ứng dụng, phổ biến kết quả hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ đầu tư dự án, chương trình phát triển kinh tế xã hội sử dụng ngân sách nhà nước có một trong các hành vi sau đây:  a) Không gửi báo cáo việc sử dụng kinh phí dành cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định;  b) Không tổ chức nghiên cứu để xây dựng căn cứ khoa học trong giai đoạn chuẩn bị, thực hiện đầu tư, giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phát sinh trong quá trình thực hiện;  c) Không thực hiện đúng, đầy đủ kết luận thẩm định về cơ sở khoa học và thẩm định công nghệ theo quy định.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi phổ biến kết quả phân tích, thẩm định, giám định khi chưa được cơ quan nhà nước đặt hàng đồng ý.  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, có cam kết, có địa chỉ ứng dụng vào sản xuất và đời sống nhưng không trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, đời sống.  4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước vào sản xuất và đời sống, thuộc diện phải thẩm định theo quy định nhưng chưa có sự thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền.  5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này (nếu có);  b) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này. | **Điều 10. Vi phạm quy định về sở hữu, sử dụng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, số liệu, thông tin của cá nhân, tổ chức khác trong báo cáo khoa học, tài liệu khoa học mà không chỉ rõ nguồn gốc, xuất xứ của kết quả nghiên cứu đó.  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không báo cáo đại diện chủ sở hữu nhà nước về kết quả khai thác, chuyển giao hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;  b) Không thông báo với đại diện chủ sở hữu nhà nước khi không còn khả năng khai thác quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;  c) Không thực hiện đúng quyết định giao quyền của cơ quan quản lý có thẩm quyền.  3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng, công bố số liệu, quy trình công nghệ, thông tin liên quan đến kết quả hoạt động khoa học và công nghệ thuộc quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức khác mà không được sự đồng ý của cá nhân, tổ chức đó;  b) Đăng ký, công bố công trình nghiên cứu khoa học của cá nhân, tổ chức khác mà không được sự đồng ý của cá nhân, tổ chức đó;  c) Sử dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa quy trình công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu của cá nhân, tổ chức khác để đăng ký tham dự triển lãm, cuộc thi, giải thưởng về khoa học và công nghệ mà không được sự đồng ý của cá nhân, tổ chức đó.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3 Điều này;  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3 Điều này. |  |
| **Điều 11. Vi phạm quy định về chuyển giao, chuyển nhượng, cung cấp thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a) Chuyển giao kết quả hoạt động khoa học và công nghệ khi chưa được chủ sở hữu kết quả đó đồng ý;  b) Cung cấp nhằm mục đích vụ lợi các thông tin, tư liệu có được từ dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm, tư vấn, giám định khi chưa được chủ sở hữu các thông tin, tư liệu đó đồng ý;  c) Tạo ra thông tin không đúng sự thật hoặc lợi dụng cung cấp thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của mình gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này. | Không sửa đổi | **Điều 11. Vi phạm quy định về ứng dụng, phổ biến kết quả hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không gửi báo cáo việc sử dụng kinh phí dành cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định;  b) Không tổ chức nghiên cứu để xây dựng căn cứ khoa học trong giai đoạn chuẩn bị, thực hiện đầu tư, giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phát sinh trong quá trình thực hiện;  c) Không thực hiện đúng, đầy đủ kết luận thẩm định về cơ sở khoa học theo quy định.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi phổ biến kết quả phân tích, thẩm định, giám định khi chưa được cơ quan nhà nước đặt hàng đồng ý.  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, có cam kết, có địa chỉ ứng dụng vào sản xuất và đời sống nhưng không trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, đời sống.  4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước vào sản xuất và đời sống, thuộc diện phải thẩm định theo quy định nhưng chưa có sự thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền.  5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này;  b) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này. |  |
| **Điều 12.** **Vi phạm quy định về đăng ký, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, ngân sách nhà nước**  1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đúng nội dung đã đăng ký.  2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đăng ký hoạt động.  3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trái với nội dung đã đăng ký để thu lợi bất chính.  4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi chiếm dụng, không hoàn trả đúng thời hạn kinh phí tài trợ từ ngân sách nhà nước hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ mà không có lý do chính đáng.  5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này;  b) Buộc hoàn trả số kinh phí bị chiếm dụng, không hoàn trả đúng hạn. | **Điều 12. Vi phạm quy định về đăng ký, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ có một trong các hành vi sau đây:  a) Không thông báo việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với cơ quản quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định;  b) Không báo cáo việc trích, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định.  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ có một trong các hành vi sau đây:  a) Không có quy chế đề xuất, xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức;  b) Không có quy chế chi tiêu, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức.  3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đúng nội dung đã đăng ký.  4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đăng ký hoạt động.  5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức không hoàn trả đúng thời hạn kinh phí tài trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ hình thành từ nguồn vốn của ngân sách nhà nước mà không có sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thuộc diện phải lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích không đủ tỷ lệ tối thiểu quy định cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.  7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thuộc diện phải lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.  8. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc hoàn trả số kinh phí bị chiếm dụng, không hoàn trả đúng hạn quy định tại Khoản 5 Điều này;  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại Khoản 5 Điều này (nếu có). | **Điều 12. Vi phạm quy định về chuyển giao, chuyển nhượng, cung cấp thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Chuyển giao kết quả hoạt động khoa học và công nghệ khi chưa được chủ sở hữu kết quả đó đồng ý;  b) Cung cấp nhằm mục đích vụ lợi các thông tin, tư liệu có được từ dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm, tư vấn, giám định khi chưa được chủ sở hữu các thông tin, tư liệu đó đồng ý;  c) Tạo ra thông tin không đúng sự thật hoặc lợi dụng cung cấp thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của mình gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này. |  |
| **Điều 13.** **Vi phạm quy định về đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a) Đặt, tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ để vụ lợi;  b) Đặt giải thưởng khoa học và công nghệ có nội dung khuyến khích nghiên cứu khoa học vi phạm pháp luật.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này. | Không sửa đổi | **Điều 13. Vi phạm quy định về đăng ký, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không thông báo việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định;  b) Không báo cáo việc trích, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không có quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức;  b) Không có quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức.  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đúng nội dung đã đăng ký.  4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ nhưng không đăng ký hoạt động.  5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không hoàn trả đúng thời hạn kinh phí cho vay từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ hình thành từ nguồn vốn của ngân sách nhà nước mà không có sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không đủ tỷ lệ tối thiểu quy định cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.  7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.  8. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc nộp lại số tiền bị chiếm dụng, không hoàn trả đúng hạn quy định tại Khoản 5 Điều này;  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Khoản 5 Điều này. |  |
| **Điều 14.** **Vi phạm quy định về liên doanh, liên kết, nhận tài trợ để hoạt động khoa học và công nghệ**  Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân đang hoạt động trong tổ chức khoa học và công nghệ nhận tài trợ trực tiếp, không thông qua tổ chức mà mình là thành viên; cá nhân không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ nào nhận tài trợ trực tiếp từ tổ chức, cá nhân nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, không đăng ký việc nhận tài trợ với Sở Khoa học và Công nghệ. | Không sửa đổi | **Điều 14.** **Vi phạm quy định về đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Đặt, tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ để thu lợi bất hợp pháp;  b) Đặt giải thưởng khoa học và công nghệ cho các công trình nghiên cứu có nội dung pháp luật cấm.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này. |  |
| **Điều 15.** **Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước dành cho hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ sai mục đích;  b) Sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ trùng lặp với các nguồn kinh phí khác từ ngân sách nhà nước.  2. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số kinh phí đã bị sử dụng sai mục đích, không đúng với nội dung đã được phê duyệt hoặc kinh phí trùng lặp quy định tại khoản 1 Điều này. | Không sửa đổi | **Điều 15.** **Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước dành cho hoạt động khoa học và công nghệ**  1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ sai mục đích;  b) Sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ trùng lặp với các nguồn kinh phí khác từ ngân sách nhà nước.  2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không hoàn trả đúng thời hạn kinh phí tài trợ từ ngân sách nhà nước mà không được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc nộp lại số tiền bị chiếm dụng, không hoàn trả đúng hạn hoặc sử dụng sai mục đích do thực hiện hành vi quy định tại các khoản 1, 2 Điều này;  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này. |  |
| **Mục 2**  **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ** |  | **Mục 2**  **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ** |  |
| **Điều 16. Vi phạm quy định về báo cáo trong hoạt động chuyển giao công nghệ**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a) Không gửi báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, biên bản đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;  b) Không gửi báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ và đã thực hiện được trên một năm, có sử dụng vốn nhà nước chiếm tỷ lệ từ 51% trở lên để thực hiện chuyển giao công nghệ;  c) Không báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ nơi triển khai việc chuyển giao công nghệ khi phổ biến, chuyển giao các công nghệ nuôi trồng, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng không thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng khi hủy bỏ hợp đồng chuyển giao công nghệ. |  | **Điều 16. Vi phạm quy định về báo cáo trong hoạt động chuyển giao công nghệ**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không gửi báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ của năm trước tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ;  b) Không báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ nơi thực hiện việc chuyển giao công nghệ khi phổ biến, chuyển giao công nghệ nuôi trồng, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp ở vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn;  c) Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy phép chuyển giao công nghệ nhưng không thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép chuyển giao khi hủy bỏ hợp đồng chuyển giao công nghệ.  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không gửi báo cáo định kỳ hằng năm về kết quả hoạt động đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ tới cơ quan có thẩm quyền nhận báo cáo theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đã thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ khi điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ. |  |
| **Điều 17. Vi phạm nghĩa vụ về sử dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước**  1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc công khai cơ chế và tỷ lệ phân chia lợi ích theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi sử dụng, chuyển giao không đúng quy định quyền chủ sở hữu công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu khác được tạo ra từ ngân sách nhà nước. |  | **Điều 17. Vi phạm trong việc đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ**  1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ khi có thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký.  2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục cấp Giấy phép mới khi thay đổi nội dung công nghệ hạn chế chuyển giao đã được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ. |  |
| **Điều 18. Vi phạm chính sách khuyến khích ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ**  1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng không đúng mục đích số kinh phí được ưu đãi, hỗ trợ từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;  b) Thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung đã cam kết để được ưu đãi, hỗ trợ từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.  2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi gian lận, giả mạo để được hưởng hỗ trợ, ưu đãi của chính sách khuyến khích, thúc đẩy chuyển giao công nghệ.  3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc hoàn trả phần kinh phí đã được ưu đãi, hỗ trợ đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 Điều này. |  | **Điều 18. Vi phạm nghĩa vụ về sử dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước**  1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng việc công khai cơ chế và tỷ lệ phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.  2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc công khai cơ chế và tỷ lệ phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với có hành vi sử dụng, chuyển giao không đúng quy định quyền chủ sở hữu công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu khác được tạo ra bằng ngân sách nhà nước. |  |
| **Điều 19. Vi phạm trong kinh doanh dịch vụ chuyển giao công nghệ**  1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi kinh doanh dịch vụ chuyển giao công nghệ không đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ chuyển giao công nghệ đã được cấp.  2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi kinh doanh dịch vụ chuyển giao công nghệ nhưng không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ chuyển giao công nghệ. |  | **Điều 19. Vi phạm trong chuyển giao công nghệ cho vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn**  Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện chương trình, dự án phổ biến giống cây trồng, giống vật nuôi hoặc công nghệ nuôi trồng, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp nhưng không có nội dung chuyển giao công nghệ. |
| **Điều 20. Vi phạm trong việc lập và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ chuyển giao công nghệ**  1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi gian lận, lừa dối trong việc lập, thực hiện hợp đồng dịch vụ chuyển giao công nghệ.  2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a) Gian lận, lừa dối trong việc lập hợp đồng chuyển giao công nghệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ;  b) Tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ mà hợp đồng đó đã có quyết định đình chỉ hoặc quyết định hủy bỏ hợp đồng  của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;  c) Thực hiện những nội dung không đúng hoặc ngoài phạm vi Giấy phép chuyển giao công nghệ đã được cấp.  3. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng Giấy phép chuyển giao công nghệ từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. |  | **Điều 20. Vi phạm chính sáchkhuyến khích ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ**  1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng không đúng mục đích số kinh phí được hỗ trợ từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;  b) Không thực hiện đúng nội dung đã cam kết để được hỗ trợ từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.  2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không hoàn trả các khoản hỗ trợ đã nhận được của Nhà nước theo quy định khi bị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.  3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi gian lận, lừa dối để  được hưởng hỗ trợ của chính sách khuyến khích, thúc đẩy chuyển giao công nghệ.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số tiền bị chiếm dụng, không hoàn trả đúng hạn hoặc sử dụng sai mục đích đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này. |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| **Điều 21. Vi phạm trong chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao**  1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao nhưng không có Giấy phép chuyển giao công nghệ.  2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao.  3. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tịch thu tang vật, phương tiện liên quan để thực hiện hành vi chuyển giao công nghệ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 Điều này;  b) Trục xuất đối với người nước ngoài thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc tiêu hủy sản phẩm tạo ra từ công nghệ chuyển giao hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với sản phẩm liên quan đến công nghệ chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam (nếu có) đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này. |  | **Điều 21. Vi phạm trong kinh doanh dịch vụ chuyển giao công nghệ**  1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh dịch vụ chuyển giao công nghệ không bảo quản, giao lại cho bên sử dụng dịch vụ tài liệu, phương tiện được giao sau khi hoàn thành dịch vụ theo thỏa thuận.  2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  b) Không duy trì đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ theo quy định của pháp luật.  3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh dịch vụ đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ nhưng không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ.  4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm lộ bí mật thông tin theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ chuyển giao công nghệ.  5. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này. |  |
| **Chương III**  **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ** |  |  |  |
| **Điều 22. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra chuyên ngành về khoa học và công nghệ**  1. Thanh tra viên có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính.  2. Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 2 Nghị định này.  3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều này.  4. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 35.000.000 đồng;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 2 Nghị định này.  5. Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 2 Nghị định này. |  | **Điều 22. Vi phạm trong việc lập và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ chuyển giao công nghệ~~,~~ nội dung công nghệ trong hợp đồng, hồ sơ dự án đầu tư**  1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lập thành hợp đồng bằng văn bản khi chuyển giao công nghệ độc lập hoặc góp vốn bằng công nghệ.  2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin không đúng sự thật trong việc lập, thực hiện hợp đồng dịch vụ chuyển giao công nghệ.  3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Gian lận, lừa dối trong việc lập hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc nội dung công nghệ trong hợp đồng, hồ sơ dự án đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ;  b) Tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc nội dung công nghệ trong hợp đồng, hồ sơ dự án đầu tư mà đã có quyết định đình chỉ hoặc quyết định hủy bỏ hợp đồng hoặc quyết định hủy bỏ hiệu lực Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư  của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;  c) Thực hiện những nội dung không đúng hoặc ngoài phạm vi Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc Giấy phép chuyển giao công nghệ đã được cấp;  d) Làm lộ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận.  4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không thực hiện kiểm toán giá công nghệ chuyển giao khi thực hiện chuyển giao công nghệ giữa các bên mà một hoặc nhiều bên có vốn nhà nước;  b) Không thực hiện kiểm toán giá công nghệ chuyển giao khi thực hiện chuyển giao công nghệ giữa các bên có quan hệ theo mô hình công ty mẹ - công ty con;  c) Không thực hiện kiểm toán giá công nghệ chuyển giao khi thực hiện chuyển giao công nghệ giữa các bên có quan hệ liên kết theo quy định của pháp luật về thuế.  5. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy phép chuyển giao công nghệ từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này. |  |
| **Điều 23. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 5.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 2 Nghị định này.  2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 2 Nghị định này.  3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 2 Nghị định này. |  | **Điều 23. Vi phạm trong việc quyết định đầu tư dự án đầu tư xây dựng có sử dụng công nghệ**  Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quyết định đầu tư dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ khi chưa có kết quả thẩm định hoặc ý kiến về công nghệ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. |  |
| **Điều 24. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan khác**  Các lực lượng: Công an, Hải quan, Thuế, Cơ quan thanh tra chuyên ngành khác, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi quy định tại Chương II Nghị định này trong phạm vi lĩnh vực mình quản lý. |  | **Điều 24. Vi phạm trong việc sử dụng công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép**  Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng công nghệ không đúng với công nghệ đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép. |  |
| **Điều 25. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt**  Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người quy định tại các điều 22, 23, 24 Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân. |  | **Điều 25. Vi phạm trong đăng ký chuyển giao công nghệ**  1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam nhưng không có Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.  b) Chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài nhưng không có Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.  c) Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước nhưng không có Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.  2. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này. |  |
| **Điều 26. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**  Khi phát hiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản và thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính. |  | **Điều 26. Vi phạm trong chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao**  1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao nhưng không có Giấy phép chuyển giao công nghệ.  2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao.  3. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 Điều này;  b) Trục xuất đối với người nước ngoài thực hiện hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này. |  |
| **Chương IV**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  | **Chương III**  **THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ** |  |
| **Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp**  Đối với vụ vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ được thụ lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì xử lý theo quy định của Nghị định số 127/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 49/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ.  Trường hợp hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ chưa xử lý mà Nghị định này quy định mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả nhẹ hơn thì áp dụng quy định của Nghị định này. |  | **Điều 27. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**  Các chức danh nêu tại các Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị định này và công chức có thẩm quyền đang thi hành công vụ khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định. |  |
| **Điều 28. Hiệu lực thi hành**  1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2013.  2. Nghị định này thay thế Nghị định số 127/2004/NĐ-CPngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 49/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ.  3. Bãi bỏ các khoản 3, 4 Điều 28 Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. |  | **Điều 28. Thẩm quyền của Thanh tra chuyên ngành về khoa học và công nghệ**  1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  2. Chánh Thanh tra Sở, Chi cục trưởng Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Chánh Thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều này.  4. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 70.000.000 đồng;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  5. Chánh Thanh tra Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  |
| **Điều 29. Trách nhiệm thi hành**  Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |  | **Điều 29. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 5.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 4 Nghị định này.  3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  |
|  |  | **Điều 30. Thẩm quyền của Công an nhân dân**  1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.  2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.  3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.  c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.500.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng quản lý nhà nước về an ninh mạng thuộc Cục An ninh mạng; Trưởng phòng An ninh kinh tế; Trưởng phòng An ninh văn hóa, tư tưởng, Trưởng phòng An ninh thông tin có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.  5. Giám đốc Công an cấp tỉnh, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 50.00.000 đồng;  đ) Trục xuất;  e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 4 Nghị định này.  6. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế tổng hợp, Cục trưởng Cục An ninh văn hóa, thông tin, truyền thông, Cục trưởng Cục An ninh mạng, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm công nghệ cao; Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trườngcó quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 4 Nghị định này.  7. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Khoản 6 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trục xuất. |  |
|  |  | **Điều 31. Thẩm quyền của Hải quan**  1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  2. Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.  3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  4. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  |
|  |  | **Điều 32. Thẩm quyền của Quản lý thị trường**  1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000;  2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 4 Nghị định này.  3. Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng  d) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  4. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  |
|  |  | **Điều 33. Thẩm quyền của cơ quan Thuế**  1. Công chức Thuế đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  2. Đội trưởng Đội Thuế có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;  3. Chi cục trưởng Chi cục Thuế có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định này.  4. Cục trưởng Cục Thuế có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 70.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định này.  5. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định Khoản 5 Điều 4 Nghị định này. |  |
|  |  | **Điều****34. Thẩm quyền của Bộ đội biên phòng**  1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.  2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.  3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  d) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 3 và 5 Điều 4 Nghị định này. |  |
|  |  | **Điều****35. Thẩm quyền của Cảnh sát biển**  1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.  2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.  3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;  c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 3 và 6 Điều 4 Nghị định này.  5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 3 và 6 Điều 4 Nghị định này.  6. Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 100.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 3 và 6 Điều 4 Nghị định này.  7. Cục trưởng Cục Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 3 và 6 Điều 4 Nghị định này. |  |
|  |  | **Điều 36. Thẩm quyền của Thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành khác**  1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  2. Chánh Thanh tra Sở và các chức danh quy định tại Khoản 2 Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền tối đa đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục, Cục và tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều này.  4. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 70.000.000 đồng;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  5. Chánh Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ và các chức danh quy định tại Khoản 4 Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  |
|  |  | **Điều 37. Phân định thẩm quyền của Thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Công an nhân dân, Hải quan, Quản lý thị trường, Cơ quan Thuế và Thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành khác**  1. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 28 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 29 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  3. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 8, 11, 14, 16, 18, 21, 22, 24, 25 và 26 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 30 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  4. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Hải quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 22, 25 và 26 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 31 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  5. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 21, 22, 25 và 26 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 32 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  6. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thuế có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 13, 15, 21 và 22 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 33 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  7. Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 4 Điều 11, Điểm b Khoản 1 Điều 16, Điều 19, Điều 25 và Điều 26 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 34 và Điều 35 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  8. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành khác có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 7, 8, 11,15, 16, 19, 21, 23, 24, 25 và 26 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 36 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. |  |
|  |  | **Chương IV**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |
|  |  | **Điều 38. Điều khoản thi hành**  1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.  2. Nghị định này thay thế Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ và Nghị định số 93/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.  3. Áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý đối với các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực như sau:  Trong trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi vi phạm trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định này.  4. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ và Nghị định số 93/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ để giải quyết. |  |
|  |  | **Điều 39. Trách nhiệm thi hành**  1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị định này.  2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. |  |